


## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Tên phân loại, tên sản phẩm: Dimethylamine		Logo của doanh nghiệp 	
Số CAS: 124-40-3 Số UN: 1302 Số đăng ký EC: 204-697-4 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):		TRUNG TÂM DỮ LIỆU VÀ HỖ TRỢ ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT Địa chỉ : 21 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội, Điện thoại : 04.39362506, Fax : 04.39387120 Email : dlhoachat@gmail.com, Cờ sờ 2 : 655 Phạm Văn Đồng - Bắc Từ Liêm - Hà Nội	
<b>I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT</b>			
- Tên thường gọi của chất: Dimethylamine		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại:			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: ghi ngắn gọn mục đích sử dụng, ví dụ: làm dung môi hòa tan nhựa PVC			
<b>II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT</b>			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Dimethylamine	124-40-3	(CH <sub>3</sub> ) <sub>2</sub> NH	99%
<b>III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>			
<b>1. Mức xếp loại nguy hiểm</b> (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...) Phân loại theo GHS: Khí dễ cháy (loại 1) Khí nén Độc cấp tính, hô hấp (loại 4) Ăn mòn, kích ứng da (loại 2) Gây kích ứng, tổn thương mắt nghiêm trọng (loại 1) Độc với cơ quan tiếp xúc một lần (loại 3)			
<b>2. Cảnh báo nguy hiểm</b>			



- Hình đồ cảnh báo:

- Từ cảnh báo: Nguy hiểm

**Cảnh báo về độc tính:**

Khí cực kỳ dễ cháy

Có thể hình thành hỗn hợp nổ với không khí

Khí chịu áp suất, dễ bị phát nổ nếu gia nhiệt

Chiếm chỗ của oxi trong không khí, có thể gây ngạt

Có hại nếu hít phải

Gây ra tổn thương mắt nghiêm trọng

Gây dị ứng da

Có thể kích ứng đường hô hấp

**Cảnh báo về phòng ngừa:**

Lấy chỉ dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.

Không xử lý cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu.

Tránh xa sức nóng, bề mặt nóng, lửa, tia lửa. - Không hút thuốc.

Không hít khí, sương mù, phun, hơi độc.

Rửa tay, cổ tay và mặt cho thật sạch sau khi xử lý.

Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong một khu vực thông thoáng.

Mặc quần áo chống cháy bảo vệ, găng tay bảo vệ, bảo vệ mắt, mặt nạ được phê duyệt.

Nếu hít phải: Di chuyển nạn nhân ra khu vực không khí trong lành và giữ thoải mái cho thở.

Nếu tiếp xúc hoặc có liên quan: Nhận tư vấn y tế / sự chú ý.

Nhận y tế tư vấn / sự chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

Rò rỉ khí cháy: Dùng dập tắt, trừ khi bị rò rỉ có thể dừng lại một cách an toàn

Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nếu an toàn để làm như vậy.

Lưu trữ ở một nơi thông thoáng.

Cửa hàng nhốt.

Bảo vệ từ ánh sáng mặt trời. Lưu trữ ở một nơi thông thoáng.

Vứt bỏ các nội dung chứa và phù hợp với tất cả các địa phương, khu vực, quốc gia và quy định quốc tế.

**IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**

**1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)**

- Rửa mắt bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút trong khi liên tục đẩy mi mắt trên và dưới. Phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

**2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da :**

- Ngay lập tức tháo bỏ hết quần áo, giày...bị hoá chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Rửa thật kỹ lưỡng bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Sau đó phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

**3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp :**

- Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxi. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Giữ thật thoải mái và chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất.

#### **4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa :**

- Nếu nuốt phải, giữ thật thoải mái. Không được gây nôn sau đó uống nhiều nước hoặc nước chanh. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì. Và ngay lập tức phải chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất và có sự điều trị của bác sĩ

### **V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

**1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...) cực kỳ dễ cháy

**2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** CO, CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>O, oxit Nito

**3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...) tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...

**4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Bột foam, bột khô, CO<sub>2</sub>, phun nước, cát

**5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** quần áo bảo hộ chống cháy, mặt nạ chống cháy, thùng chứa nước lạnh.

**6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có)

### **VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

**1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ**

- Lau sạch

**2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng**

- Mang mặt nạ bảo vệ đường hô hấp, tránh hít phải khí.

- Dập tắt nguồn gây cháy

- Sơ tán nhân viên đến nơi an toàn

- Đảm bảo thông khí đầy đủ, tránh sự tích tụ về hơi, có thể gây cháy, nổ.

- Ngăn chặn rò rỉ thêm, tránh để hóa chất chảy vào cống thoát nước.

- Dùng máy hút chất lỏng trên sàn, rồi cho vào bình chứa

### **VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ**

**1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

- Tránh sự tiếp xúc với da và mắt, tránh hít hơi và sương mù.

- Thay đồ bảo hộ sau khi kết thúc công việc.

- Có biển cảnh báo khí độc ở khu vực có hóa chất và tại các van thường xuyên thao tác

- Tuân thủ các quy trình, thao tác khi vận hành và khi lấy mẫu

**2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

- Bảo quản nơi thoáng mát, giữ bình chứa đóng kín ở nơi khô ráo, thông thoáng.

- Bình chứa mở ra để lấy hóa chất phải được đóng lại cẩn thận.

- Không được để gần nguồn phát nhiệt, không được đặt dưới dây điện trần, không được để gần các chất nổ

### **VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**

**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

-Tránh tiếp xúc với da, mắt, quần áo.

- Rửa tay trước khi giải lao và ngay lập tức sau khi xử lý sản phẩm

## 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt theo tiêu chuẩn NIOSH (Mỹ) hoặc EN 166 (EU)
- Găng tay phải được kiểm tra trước khi sử dụng, phải theo tiêu chuẩn EU Directive 89/686/EEC và tiêu chuẩn EN 374 (cao su butyl, độ dày tối thiểu 7,3mm, thời gian sử dụng 8h)
- Mặc quần áo bảo vệ chống hóa chất - Sử dụng mặt nạ dưỡng khí khi sử dụng hóa chất
- Không được đổ sản phẩm ra cống thoát nước

## 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH
- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay - Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất
- Bảo vệ chân: giày bảo hộ

## 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

Tắm rửa, vệ sinh thân thể sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hoá chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực làm việc, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: thể khí	Điểm sôi ( $^{\circ}\text{C}$ ) $7^{\circ}\text{C}$ ( $44.6^{\circ}\text{F}$ )
Màu sắc: không màu	Điểm nóng chảy ( $^{\circ}\text{C}$ ) $-92.2^{\circ}\text{C}$ ( $-134^{\circ}\text{F}$ )
Mùi đặc trưng	Điểm bùng cháy ( $^{\circ}\text{C}$ ) (Flash point) theo phương pháp xác định $-18^{\circ}\text{C}$ ( $-0.4^{\circ}\text{F}$ ) cốc kín
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn 25.7 (psig)	Nhiệt độ tự cháy ( $^{\circ}\text{C}$ ) $400^{\circ}\text{C}$ ( $752^{\circ}\text{F}$ )
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn 1.6 (Air = 1)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí) 14,4%
Độ hòa tan trong nước 3540 g/l	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí) 2,8%
Độ PH	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng ( $\text{kg}/\text{m}^3$ )	Các tính chất khác nếu có

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

### 1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...)

Ổn định ở nhiệt độ bình thường

### 2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): phản ứng mạnh với các chất oxi
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);
- Phản ứng trùng hợp.

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Dimethylamine	LC50	5290 ppm 1h	Hô hấp	Chuột

### 1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

**2. Các ảnh hưởng độc khác****XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Dimethylamine	Algae - Pseudokirchneriella subcapitata	96 hours	Acute EC50 6200 µg/l Fresh water
	Crustaceans - Crangon crangon - Adult	48 hours	Acute LC50 >100000 µg/l Marine water
	Daphnia - Daphnia magna	48 hours	Acute LC50 50000 to 56500 µg/l Fresh water
	Fish - Oncorhynchus mykiss	96 hours	Acute LC50 17 mg/l Fresh water

**2. Tác động trong môi trường**

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ tích của sản phẩm phân hủy sinh học

**XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

**XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số	<b>1302</b>					

29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tê của EU, USA...	<b>1302</b>					
<b>XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</b>						
<b>1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)</b> <b>2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký</b> <b>3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ</b>						
<b>XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</b>						
Ngày tháng biên soạn Phiếu:						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo:						
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc						